

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HS-ST
Ngày 28-08-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Minh Đức

Ông Bùi Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 08 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 127/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành N**, sinh 1982 tại Gia Lai. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 10, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1952 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; có vợ (đã ly hôn) tên Lê Thị Kim X, sinh năm 1987 và 01 người con, sinh năm 2009;

Nhân thân:

Tại bản án số 07/2005/HSST ngày 14-01-2005 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai, đến ngày 07-3-2005 chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích).

Tại bản án số 39/2015/HSST ngày 19-5-2015 của Tòa án nhân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, đến ngày 07-3-2016 chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích).

Tiền án: 01 lần. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2018/HSST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành án tại Trại giam Gia Trung, đến ngày 11-01-2020 chấp hành xong hình phạt tù;

Tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Thành N bị tạm giữ từ ngày 09-02-2020 đến ngày

18/02/2020, bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người chứng kiến ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 06, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào sáng ngày 08-02-2020, Nguyễn Thành N là người có sử dụng ma túy, đang đi trên đường Cách mạng tháng Tám, thành phố P thì gặp K (không rõ nhân thân, lai lịch; là bạn bè ngoài xã hội của N), biết K là người có sử dụng ma túy nên N đã xin K ma túy để sử dụng thì K cho N 05 gói vụn thực vật khô (loại cần sa) và N cất giấu vào trong túi áo khoác mặc trên người.

Đến khoảng 14 giờ ngày 09-02-2020, khi N đang đi bộ trong hẻm đường Lê Lợi thì gặp người phụ nữ tên Đ (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy nên đã mua 02 gói ma túy (loại Heroine) với giá 400.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua được số ma túy trên, N đi mua kim tiêm và nước cất trên tại một tiệm bán thuốc tây trên đường Lê Lợi (không rõ địa điểm) rồi đi đến nhà vệ sinh của Quảng trường Đại Đoàn Kết, thành phố P, lấy một ít ma túy trong 02 gói đã mua rồi sử dụng, vừa sử dụng ma túy xong thì N bị lực lượng Cảnh sát bảo vệ mục tiêu Quảng trường Đại Đoàn Kết cùng với lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy - Công an thành phố Pleiku phát hiện và bắt quả tang, thu giữ trong người của N, gồm: 02 gói giấy bên trong có chứa chất rắn dạng bột màu trắng (được niêm phong ký hiệu I); 05 gói nilon, bên trong các gói đều chứa vụn thực vật khô (được niêm phong ký hiệu II).

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại Bản Kết luận giám định số 214/KLGD ngày 18-02-2020 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng cục, bột trong 02 (hai) gói giấy trong bì thư niêm phong, ghi “I” gửi giám định là ma túy, loại **Heroine**, khối lượng 0,1168 gam”*.

Tại Bản Kết luận giám định số 500/C09C(Đ4) ngày 25-5-2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: *“Mẫu thực vật khô (đã cắt nhỏ) đựng trong 05 (năm) túi ni lông gửi giám định đều **không có chất ma túy**, tổng khối lượng mẫu là 3,46gam”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định số 214/KLGD, ngày 18-2-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và Kết luận giám định số 500/C09C(Đ4), ngày 25-5-2020 của Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 214/PC09, ngày 18-02-2020 có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và mẫu vật còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 500/C09C(Đ4) ngày 25-5-2020, bên ngoài có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Đối với đối tượng nam thanh niên tên K, là người mà bị cáo N khai đã cho N 05 gói thực vật khô tại khu vực đường Cách mạng tháng Tám, thành phố P và đối tượng tên Đ, là người mà bị cáo N khai đã bán ma túy cho N tại khu vực đường Lê Lợi, thành phố P. Do bị cáo khai không biết được nhân thân, lai lịch của K và Đ nên chưa có căn cứ để điều tra xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 129/CT-VKS, ngày 03-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Đồng thời cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Nguyễn Thành N;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

* Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 214/PC09 ngày 18-02-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai;

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 500/C09C(Đ4), bên ngoài có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

* Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thành N không có ý kiến tranh luận về lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo Nguyễn Thành N nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi đã vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thành N là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 08-2-2020, Nguyễn Thành N đi trên đường Cách mạng tháng Tám, thành phố P thì được một người bạn cho 05 gói vụn thực vật khô (loại cần sa) để N sử dụng. Vào lúc 17 giờ ngày 09-02-2020, tại khu vực nhà vệ sinh Quảng trường Đại đoàn kết thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi N vừa sử dụng xong một ít ma túy được lấy ra từ 02 gói chất bột màu trắng (loại heroine) mà N đã mua của một người phụ nữ tại hẻm đường Lê Lợi, thành phố Pleiku thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy, Công an thành phố Pleiku bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật.

[3] Tại Bản Kết luận giám định số 214/KLGD ngày 18-02-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai đã xác định 02 gói chất bột màu trắng mà bị cáo tàng trữ để sử dụng là ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,1168 gam; đối với 05 gói thực vật khô có tổng khối lượng là 3,46 gam, giám định xác định không có chất ma túy. Tuy nhiên, qua điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận, nhận thức đây là ma túy. Do đó, mặc dù kết quả giám định kết luận không có chất ma túy trong 05 gói thực vật khô là ngoài mong muốn của bị cáo. Do vậy, bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với gói thực vật khô mà bị cáo ý thức được rằng là chất ma túy (loại cần sa) có tổng khối lượng là 3,46 gam.

[4] Hành vi cất giữ 0,1168 gam chất ma túy loại Heroine và 3,46 gam lá thực vật khô (loại cần sa) không có chất ma túy mà bị cáo nhận thức được rằng đây là ma túy (đều nằm trong danh mục I được ban hành kèm theo Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ) với mục đích để sử dụng, do bị cáo Nguyễn Thành N thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 19/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng

của chất ma túy Heroine và lá thực vật khô, mà bị cáo nhận thức đây là ma túy (loại cần sa) so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thuộc trường hợp dưới 100%, nên tổng khối lượng các chất ma túy không thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 249 mà thuộc trường hợp theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Thành N đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i, khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Về nhân thân: Tại Bản án số 07/2005/HSST ngày 14-01-2005 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 07-3-2005 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 39/2015/HSST ngày 19-5-2015 của Tòa án nhân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 24 tháng tù, về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, ngày 07-3-2016 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Như vậy, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới ngày 09-02-2020 thì 02 bản án này đã được xóa án tích.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 153/2018/HSST ngày 01-11-2018 của Tòa án nhân thành phố Pleiku xét xử, tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù, về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11-01-2020. Căn cứ quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo chưa được đương nhiên xóa án tích. Do bị cáo đã bị kết án chưa được xóa tích mà lại cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[9] Bị cáo Nguyễn Thành N là người đã trưởng thành, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo là người có sử dụng ma túy, biết được tác hại của ma túy là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác; bị cáo đã từng có án tích về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; đã có tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” mà không lấy đó làm bài học để hoàn lương mà còn tái phạm, chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân đã cố ý cất giữ 0,1168 gam chất ma túy loại Heroine và 3,46 gam lá thực vật khô không có chất ma túy mà bị cáo nhận thức được rằng đây là ma túy với mục đích để sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo để áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo, và phòng ngừa chung cho xã hội.

[10] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích để sử dụng, không có thu lợi bất chính, bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Đối với đối tượng nam thanh niên tên K, là người mà bị cáo N khai đã cho N 05 gói thực vật khô tại khu vực đường Cách mạng tháng Tám, thành phố P và đối tượng tên Đ, là người mà bị cáo N khai đã bán ma túy cho N tại khu vực đường Lê Lợi, thành phố P. Do bị cáo khai không biết được nhân thân, lai lịch của K và Đ nên chưa có căn cứ để điều tra xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 214/PC09 ngày 18-02-2020, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và mẫu vật còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 500/C09C(Đ4) ngày 25-5-2020, bên ngoài có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[13] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N **02 (hai) năm** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 09 tháng 02 năm 2020).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 214/PC09 ngày 18-02-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Gia Lai;

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 500/C09C(Đ4), bên ngoài có dấu niêm phong của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng.

(Tất cả vật chứng nêu trên có số lượng, đặc điểm theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 8 năm 2020 giữa Công an thành phố Pleiku và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Công Tồn